TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** TỈNH THÁI BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ- ST
Ngày 29-03-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị H1- anh V1.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Văn Tiến;
2. Bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 29 tháng 03 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 304/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Hà Thị H1, sinh ngày 23-01-1994; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Nơi tạm trú: Thôn X1, xã T4, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V1, sinh ngày 12-07-1994, Địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề 11-12-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị H1 trình bày: Chị và anh V1 tự nguyện đăng ký kết hôn, đã được Uỷ ban nhân dân xã T2 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55/2015 ngày 10-08-2015. Tháng 4-2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Do vợ chồng mâu thuẫn nên từ tháng 6-2018, chị đưa con về nhà bố mẹ chị tại thôn X1, xã T4 làm ăn và sinh sống; từ đó, vợ chồng không sống cùng nhau, không còn yêu thương, chăm sóc

nhau nữa. Hiện nay chị không mang thai. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V1. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Hoàng Hà V2, sinh ngày 11-12-2015; hiện đang sống cùng chị. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung; yêu cầu anh V1 cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Chị là công nhân may tại xã T5, thu nhập 5.000.000đồng/1tháng đến 6.000.000đồng/1tháng; hàng ngày chị kết hợp đưa đón con đi học khi chị đi làm. Bố mẹ chị đồng ý cho mẹ con chị sống cùng và cũng hỗ trợ chị cả về kinh tế và chăm sóc con. Chị không đồng ý để anh V1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì từ khi vợ chồng không sống chung với nhau thì anh V1 không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19-02-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh V1 trình bày giống nguyên đơn về việc kết hôn, về thời gian phát sinh mâu thuẫn, về việc từ tháng 6-2018 đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa; về việc vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Hà V2, sinh ngày 11-12-2015. Anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh đang làm kỹ thuật sửa chữa xe máy tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ K1 (thị trấn D1); thu nhập 8.000.000đồng/1tháng; anh có đủ điều kiện về thời gian và kinh tế để nuôi con. Hiện nay, anh và mẹ đẻ sinh sống tại xã T2. Anh không đồng ý để chị H1 nuôi con vì anh muốn được gần gũi chăm sóc con. Anh xác định: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu giải quyết.

Tại các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn, bị đơn thuận tình ly hôn nhưng không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên hòa giải không thành; vụ án phải đưa ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị H1 và anh V1 là tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có biện pháp hòa giải nên mâu thuẫn trở nên trầm trọng; hiện nay, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị H1-anh V1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi hòa giải, anh chị thuận tình ly hôn nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H1 và anh V1.

[3]. Về con chung:

[3.1]. Vợ chồng chị H1 và anh V1 có một con chung là Nguyễn Hoàng Hà V2, sinh ngày 11-12-2015. Trong quá trình tố tụng , chị H1, anh V1 đều có nguyên vọng nuôi dưỡng con chung.

[3.2]. Chị H1, anh V1 đều có chỗ ở, có thu nhập ổn định, có điều kiện thời gian để chăm sóc con thường xuyên nên cả hai đều có điều kiện cần thiết để nuôi con. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng không sống cùng nhau thì chị H1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vẫn ổn định . Hiện nay, con chung đang sống cùng chị H1; để đảm bảo sự ổn định cho con chung , cần áp dụng Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình xử giao con chung cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V1 cấp dưỡng nuôi con chung 700.000đồng/1tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngày 01- 04- 2019 đến khi con chung thành niên.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị H1 phải chịu 300.000,đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ là anh V1 phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a Khoản 1 Điều 24; Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị H1 và anh Nguyễn Văn V1.

2. Về con chung: -Chị H1 và anh V1 có một con chung là Nguyễn Hoàng Hà V2, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2015.

-Giao con chung Nguyễn Hoàng Hà V2 cho chị Hương trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V1 cấp dưỡng nuôi con chung 700.000đồng/1tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến khi con chung thành niên.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: - Chị H1 phải nộp toàn bộ 300.000,đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001640 ngày 11- 12- 2018 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị H1

đã nộp đủ án phí.

-Anh V1 phải nộp 300.000,đồng án phí cấp dưỡng định kỳ.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6.**Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tồng

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Uỷ ban nhân dân xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
-VKDND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.